

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:135/2021/DS-PT

Ngày 21-12-2021

Vv: Đòi quyền sử dụng đất, tranh
chấp về bồi thường thiệt hại do tài
sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang; ông Đặng Văn Quyết.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Giáp Thị Loan, Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 21/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/DSPT ngày 28/10/2021 về việc “đòi quyền sử dụng đất, tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/DS- ST ngày 06/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2021/QĐ – PT ngày 15/11/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 189/2021/QĐ- PT ngày 01/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Thị Th, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Thôn K 2B, xã HG, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- Các đồng bị đơn:

1/ UBND xã HG do ông Bùi Đức V; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2/ Ông Bùi Đức V, sinh năm 1980 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

3/ Ông Giáp Ngọc T, sinh năm 1975 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

4/ Ông Trần Công L, sinh năm 1971 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Đều trú tại: Thôn K 2B, HG, LN, Bắc Giang.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Trần Văn N, sinh năm 1984 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2/ Chị Ngô Thị Thúy H, sinh năm 1984 (có mặt);

4/ Anh Giáp Văn H, sinh năm 1979 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

5/ Ông Trần Văn Th, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Đều trú tại: K 2B, HG, LN, Bắc Giang.

6/ Ông Bùi Huy T, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Trú tại: Phố K, xã HG, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

7/ UBND huyện LN do ông Mai Văn D đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2020 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết tại Tòa án bà Tô Thị Th trình bày:

Bà được quyền sử dụng diện tích 432m² đất tại thôn K 2B, xã HG, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, Ủy ban nhân dân huyện LN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH00092, quyết định cấp số: 46/QĐ-UBND ngày 21/01/2010, nguồn gốc diện tích đất này là do bà và chồng là ông Trần Văn Đ được chia từ năm 1981, đến năm 2005 bà và ông Đ ly hôn, bà được chia diện tích đất này và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cá nhân bà. Năm 2016, Ủy ban nhân dân xã HG cấp giấy diện tích 42,4m² để làm nương thủy lợi mà không có Quyết định thu hồi đất, không đền bù. Tại đơn khởi kiện ban đầu bà đề nghị Ủy ban nhân dân xã HG phải trả lại 42,4m² đất; chỉ đạo ông V, ông T, ông L xây dựng lại nương nguyên thủy trên đất nhà ông Th, ông H; buộc ông V phải bồi thường giá trị 02 xe đất = 1.000.000 đồng, 02 ngày công san lấp 500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà bổ sung đơn khởi kiện đề nghị Ủy ban nhân dân xã HG phải trả lại bà 67m² đất; chỉ đạo ông V, ông T, ông L phải xây lại

mương nguyên thủy trên đất nhà ông Th, ông H; yêu cầu ông V, ông T, ông L bồi thường giá trị 02 xe đất và 02 san lấp mương = 1.500.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và những lời khai tiếp theo tại Toà án ông Bùi Đức V là người đại diện theo pháp luật của UBND xã HGDồng thời là bị đơn trong vụ án trình bày:

Tháng 4/2016, Ủy ban nhân dân xã HG và thôn K 2B, xã HG có kế hoạch xây dựng kênh mương thoát nước trên địa bàn thôn K 2B, có đoạn liền kề với đất của bà Tô Thị Th. Ủy ban nhân dân xã HG phân công ông V, ông T phối hợp với thôn K 2B mời các hộ liền kề với đoạn mương đi qua đến nhà văn hóa thôn K 2B để họp, bàn, vận động các hộ hiến đất để xây mương và được các hộ dân đều nhất trí, không ai có ý kiến gì. Đối với đoạn mương giáp đất nhà bà Th thì Ủy ban nhân dân xã không có kế hoạch xây lấn vào phần đất nhà bà Th mà chỉ xây trên nền mương cũ. Khi xây mương xong bà Th có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã giải quyết việc Ủy ban nhân dân xã HG xây mương lấn vào phần đất của bà. Ủy ban nhân dân xã HG đã có văn bản số: 04/UBND - ĐCXĐ ngày 23/01/2017 trả lời không nhất trí với đề nghị của bà Th vì việc xây mương không lấn đất nhà bà Th. Bà Th tiếp tục có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện LN giải quyết. Tại công V số: 421/UBND ngày 23/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện LN không chấp nhận đơn đề nghị của bà Th, giữ nguyên văn bản số: 04/UBND - ĐCXĐ ngày 23/01/2017. Nay bà Th khởi kiện đề nghị Ủy ban nhân dân xã HG trả lại diện tích đất xây mương, đồng thời chỉ đạo ông V, ông T, ông L xây lại mương nguyên thủy trên đất nhà ông Th, ông H, yêu cầu bồi thường giá trị 02 xe đất và 02 ngày công = 1.500.000 ông không nhất trí.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và những lời khai tiếp theo tại Toà án bị đơn ông Giáp Ngọc T trình bày:

Ông là cán bộ địa chính xã HG. Bà Tô Thị Th khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện LN giải quyết yêu cầu Ủy ban nhân dân xã HG phải trả lại diện tích đất làm mương; chỉ đạo ông, ông V, ông L xây dựng con mương nguyên thủy trên đất ông Th, ông H, yêu cầu bồi thường thiệt hại. Ông không nhất trí

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và những lời khai tiếp theo tại Toà án bị đơn ông Trần Công L trình bày: Ông là trưởng thôn Kép 2B, xã HG. Bà Th khởi kiện đề nghị ông V phải bồi thường giá trị 02 xe đất và 02 ngày công san lấp ông không nhất trí.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn N trình bày: Anh là con đẻ bà Tô Thị Th, mảnh đất tích 432m² bà Th sử dụng anh có thời gian canh tác, hiện nay trồng cây táo. Năm 2016, Ủy ban nhân dân xã HG lấy đất làm nương nhưng không có Quyết định thu hồi, đền bù. Bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Đề nghị Ủy ban nhân dân xã HG phải trả diện tích đất lấy để làm nương, yêu cầu ông V phải bồi thường thiệt hại, xây lại nương nguyên thủy anh hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà Th. Anh không có yêu cầu gì.

Chị Ngô Thị H trình bày: Chị là con dâu bà Tô Thị Th. Chị hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà Th.

Ông Trần Văn Th, ông Giáp Văn H đều thống nhất trình bày: Gia đình các ông có đất giáp với đất nhà bà Th, năm 2016 Ủy ban nhân dân xã HG có kế hoạch xây nương thoát nước trên địa bàn thôn K 2B, xã HG. Việc xây nương này dựa trên nền nương cũ có đoạn hẹp thì phải lấy vào đất của hộ liền kề, Ủy ban nhân dân xã và thôn đã tổ chức họp dân mọi người đều nhất trí. Nay bà Tô Thị Th yêu cầu Ủy ban nhân dân xã HG chỉ đạo ông Bùi Đức V, Trần Công L, Giáp Ngọc T phải xây lại con nương nguyên thủy trên đất nhà ông và ông H, ông không nhất trí.

Ông Bùi Huy T trình bày: Ông giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HG từ năm 2011 – 2020. Ủy ban nhân dân xã HG cùng với thôn K 2B, xã HG có kế hoạch xây dựng đoạn nương tại xứ đồng NC, thôn K 2B, xã HG. Đảng ủy xã HG đã phân công ông, ông T phối hợp với ban quản lý thôn Kép 2B, xã HG tổ chức họp dân, khảo sát mặt bằng, lập danh mục đề nghị Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt. Sau khi xây dựng xong thì bà Tô Thị Th có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã HG trả lại đất. Ủy ban nhân dân xã HG đã kiểm tra thực địa xác nhận phần xây nương không lấn vào đất nhà bà Th.

Ủy ban nhân dân huyện LN do ông Mai Văn Đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Th khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân xã HG phải trả lại diện tích đất đã xây nương lấn vào đất của bà là không có cơ sở. Theo kết quả đo đạc thực tế thửa đất do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LN thực hiện (đo đạc, chỉnh lý địa chính thửa đất số 699, 733, tờ bản đồ số 15 xã HG), hiện tại bà sử dụng 514,9m², tăng 82,9m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Th được cấp (432m²).

Tại biên bản xem xét, thẩm định và biên bản định giá tài sản ngày 18/11/2020 xác định được tài sản tranh chấp như sau:

Diện tích bà Th được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 432m²;

Diện tích bà Tô Thị Th sử dụng thực tế là: 514,9m² (Không bao gồm phần xây mương 50,8m² và phần ông Bùi Đức V thuê người móc lên để thoát nước cho các hộ bên trên = 12,2m²; bà Thđang sử dụng diện tích tăng 84,9m² so với GCNQSD đất được cấp).

Diện tích đất Ủy ban nhân dân xã HG đã xây mương là 50,8m².

Phần diện tích bà Tô Thị Th cho rằng ông Bùi Đức V móc đất làm đường thoát nước = 12,2m².

Xác định phần đất tranh chấp giữa bà Tô Thị Th và Ủy ban nhân dân xã HG là phần mương đã xây bê tông là 50,8m².

Xác định phần đất bà Tô Thị Th cho rằng ông T, ông L, ông V móc lên bà phải mua 02 xe đất đổ vào là 12,2m².

Tài sản được định giá như sau:

- 01 tường xây cay bê tông: 65,5m x 1,05m x 0,22m x 1.050.000 đồng = 9.532.000 đồng.

- 01 nền bê tông 65,5m x 0,8m x 0,1m x 1.810.000 đồng x 60% = 7.114.000 đồng.

- 10 giếng bê tông: 10m x 0,15m x 0,1m x 0,69m x 3.510.000 đồng = 218.000 đồng.

- Giá đất giao dịch tại địa phương = 250.000 đồng/01m².

Diện tích tranh chấp 50,8m² x 250.000 đồng/01 m² = 12.700.000 đồng.

- Giá trị 02 xe đất ở thời điểm hiện tại = 500.000 đồng/01 xe.

Tổng cộng giá trị tài sản đã định giá là: 29.564.000 đồng.

Với nội dung vụ án như trên, bản án dân sự sơ thẩm số 13/DS- ST ngày 06/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 48, Điều 49, Điều 52, Điều 57 Luật đất đai năm 2003.

Áp dụng Điều 4, Điều 5, Điều 100, Điều 166, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 138; Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp Dụng Khoản 6, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 156, Điều 157; Điều 158; Điều 165, Điều 166; Điều 202; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Th.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/8/2021, bà Tô Thị Th kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tô Thị Th không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo.

Các bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Tô Thị Th trình bày: Ủy ban nhân dân xã HG thu hồi đất của gia đình bà nhưng không có quyết định thu hồi, ông Trần Văn Đ và anh Trần Văn N ký giấy tự nguyện hiến đất của bà để làm nương thủy lợi là trái quy định của pháp luật. Ông Bùi Đức V là người thực thi việc lấy diện tích đất của gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm nương dẫn nước nhưng Tòa án nhân dân huyện LN đã đo đạc, thẩm định không đúng, hiện trạng đất của gia đình bà thiếu 89m², ngoài ra để khôi phục lại phần đất bị móc lên bà đã phải bỏ tiền mua 02 xe đất và 02 ngày công san lấp, tổng chi phí là 1.500.000đồng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Buộc Ủy ban nhân dân xã HG phải trả lại bà 89m² đất; chỉ đạo ông V, ông L xây dựng con nương nguyên thủy; Buộc ông V phải bồi thường giá trị 02 xe đất, 02 ngày công san lấp = 1.500.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 306 của Bộ luật tố tụng dân sự:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các công việc khác đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Tô Thị Th.

Sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí: Buộc bà Th phải chịu 935.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Tô Thị Th không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm các đồng bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đồng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Tô Thị Th, Hội đồng xét xử thấy: Bà Tô Thị Th được quyền sử dụng diện tích 432m² đất tại khu ĐH, thôn K 2B, xã HG, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, Ủy ban nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH00092, quyết định cấp số: 46/QĐ-UBND cấp ngày 21/01/2010.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện LN thì hiện trạng đất bà Tô Thị Th đang sử dụng có diện tích 514,9m² (Không bao gồm diện tích đã xây mương dẫn nước 50,8m² và phần ông Bùi Đức V thuê người móc lên để thoát nước cho các hộ bên trên = 12,2m²), như vậy diện tích thực bà Th đang sử dụng tăng 84,9m² so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất tranh chấp mà Ủy ban nhân dân xã HG đã xây mương là 50,8m²; diện tích bà Th cho rằng ông Bùi Đức V móc sâu làm thoát nước = 12,2m². So sánh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Th được cấp và kết quả thẩm định hiện trạng, không xác định được 50,8m² đất Ủy ban nhân dân xã HG xây mương dẫn nước và phần ông Bùi Đức V thuê người móc lên (12,2m²) có nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Th hay không, bà Th cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh diện tích đất làm mương và diện tích đất đã móc lên để làm thoát nước có nằm trong diện tích 432m² bà đã

được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không. Do vậy không có căn cứ để chứng minh Ủy ban nhân dân xã HG đã lấy 67m² đất trong diện tích 432m² đất của bà Th; không có căn cứ để chứng minh bà Th bị thiệt hại; không có căn cứ để buộc ông V, ông T, ông L xây lại mương nước.

Theo quy định tại Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự thì: *Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.*

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh thì: *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.*

Bà Th khởi kiện nhưng không thu thập, cung cấp, giao nộp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ và hợp pháp. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị sửa phần nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy: Bà Th khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân xã HG phải trả 67m² đất x 250.000 đồng/01m² = 16.750.000 đồng x 5% = 837.500 đồng. Yêu cầu xây lại mương dẫn nước, yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị 02 xe đất, công san lấp của bà Th không được chấp nhận nên bà Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bản án sơ thẩm buộc bà Th phải chịu 1.137.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, điểm b của tiểu mục 1.3 mục 1 phần II của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Th không được chấp nhận nên bà Th phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 294, Điều 296, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Tô Thị Th. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/DS-ST ngày 06/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tô Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Th đã nộp ghi tại biên lai số 0010344 ngày 18/8/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang thu. Xác nhận: Bà Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Thạo